

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP C
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/KDTM-ST

Ngày: 30-9-2020

“V/v tranh chấp về hợp đồng kinh doanh
thương mại - mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP C, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị A

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng B.
2. Ông Nguyễn Viết N.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ T - Thư ký Tòa án nhân dân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng T – Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLST-KDTM, ngày 23/6/2020 về việc “tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2020/QĐXXST- KDTM ngày 06/7/2020, Thông báo mở lại phiên tòa số 54/TB-TA ngày 14/9/2020 quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 201/QĐST- KDTM ngày 25/9/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phạm Minh V, sinh năm 1970 - Chủ Doanh Nghiệp Tư Nhân Việt Nga (DNTN VN).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tú H, sinh năm 1984. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 10/UQ-VN.2020 ngày 24/9/2020). Cùng địa chỉ: Số nhà 304, Quốc Lộ 30, phường MP, TP C, tỉnh Đ .

- *Bị đơn:* Huỳnh Chánh T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp NC, xã NH, huyện TC, TV.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 2, ấp NC, xã NH, huyện TC, tỉnh TV.

(Ông Hưng có mặt; ông T và bà D vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI D VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Tú H trình bày:

Ngày 01/5/2019 DNTN VN có ký hợp đồng mua bán số 427/HĐMB/2018-2019 với Đại lý Chánh T về việc mua bán phân bón, với điều kiện thanh toán là không được quá thời hạn 100 ngày, kể từ ngày nhận hàng.

Doanh Nghiệp Tư Nhân VN đã bán cho ông Huỳnh Chánh T kể từ ngày ký hợp đồng mua bán với tổng giá trị hàng hóa phân bón là 215.600.000 đồng, ngày 21/11/2019 ông T chỉ thanh toán cho DNTN VN 20.000.000 đồng, còn nợ số tiền 195.600.000 đồng.

Tính đến ngày 18/02/2020, tổng số tiền ông T còn nợ DNTN VN là 209.623.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 195.600.000 và tiền lãi chậm thanh toán là 14.023.000 đồng - theo mức lãi suất 1,2%/ tháng). Ông Huỳnh Chánh T nhiều lần hứa hẹn thanh toán tiền cho DNTN VN nhưng đến thời điểm hiện tại ông Huỳnh Chánh T trì hoãn, né tránh, không nghe điện thoại, không thanh toán tiền cho DNTN VN.

Căn cứ theo các biên bản đối chiếu công nợ giữa DNTN VN với Cửa hàng vật tư nông nghiệp Chánh T, bà D là vợ của ông T thường xuyên giao dịch với DNTN VN như ký đối chiếu công nợ, trả tiền cho doanh nghiệp, xác nhận có nợ tiền phân bón và hứa hẹn trả nợ cho Doanh nghiệp.

Nay DNTN VN yêu cầu ông Huỳnh Chánh T và bà Nguyễn Thị Thùy D có trách nhiệm liên đới trả nợ cho DNTN VN số tiền vốn là 195.600.000 đồng và lãi tính đến ngày 30/9/2020 là 31.000.000 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh với mức lãi suất 1,2%/tháng cho đến khi ông T và bà D thanh toán xong.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Huỳnh Chánh T, bà Nguyễn Thị Thùy D nhưng ông T vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội D yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2020, bà D xác định bà và chồng bà là ông T có mua phân bón và còn thiếu DNTN VN số tiền vốn là 195.600.000 đồng, bà D đồng ý cùng với ông T có trách nhiệm liên đới trả cho DNTN VN tiền vốn 195.600.000 đồng, tiền lãi và đồng ý tiếp tục tính lãi phát sinh với mức lãi suất 1,2%/tháng cho đến thanh toán xong; đồng thời bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP C phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật về tổng đạt văn bản tố tụng, đảm bảo tính khách quan, bảo đảm quyền và lợi ích

hợp pháp của đương sự trước và tại phiên tòa. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Huỳnh Chánh T và bà Nguyễn Thị Thùy D có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Minh V - Chủ Doanh Nghiệp Tư Nhân VN số tiền vốn 195.600.000 đồng và tiền lãi 31.000.000 đồng và tiếp tục trả lãi chậm trả với lãi suất 1,2%/tháng kể từ ngày 01/10/2020 đến khi thanh toán xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của ông Phạm Minh V - Chủ DNTN VN và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại mua bán hàng hóa giữa các cá nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, các đương sự có thỏa thuận chọn Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân TP C giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP C, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tư cách đương sự: Theo văn bản số: 52/PTCKH ngày 04/5/2020 của Phòng Tài Chính - Kế hoạch huyện TC, tỉnh TV thì ông Huỳnh Chánh T có đăng ký kinh doanh với tên hộ kinh doanh là Huỳnh Chánh T và được Phòng Tài chính kế hoạch huyện TC cấp ngày 19/12/2014, số 58E8002467. Tuy nhiên, vào ngày 27/12/2019, ông T đã làm thủ tục chấm dứt hoạt động kinh doanh theo Quyết định số 52/QĐ-PTCKH ngày 02/01/2020. Do đó, bị đơn tham gia tố tụng với tư cách là cá nhân, không còn là chủ hộ kinh doanh Huỳnh Chánh T. Đối với bà D, bà D là vợ của ông T, có kinh doanh cùng với ông T và có ký tên vào biên bản đối chiếu nợ thay cho ông T nên bà D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ông Huỳnh Chánh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do; bà Nguyễn Thị Thùy D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội D: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh V - Chủ Doanh Nghiệp Tư Nhân VN yêu cầu ông Huỳnh Chánh T và bà Nguyễn Thị Thùy D có trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn tiền nợ gốc là 195.600.000 đồng và tiền lãi là 31.000.000 đồng

[3] Về tiền vốn: Căn cứ hợp đồng số 427/HĐMB/2018-2019 ngày

01/5/2019, biên bản đối chiếu công nợ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ông T có ký hợp đồng mua bán phân bón với DNTN VN. Sau khi ký kết hợp đồng ngày 01/5/2019 thì ngày 20/5/2019 ông T liên hệ bằng điện thoại đến DNTN VN đặt mua phân với tổng số tiền là 165.000.000 đồng. Đến ngày 02/6/2019, ông T tiếp tục liên hệ bằng điện thoại để đặt hàng phân bón với số tiền 50.600.000 đồng, tổng cộng các khoản nợ 215.600.000 đồng, ông T đã thanh toán cho DNTN VN 20.000.000 đồng vào ngày 21/11/2019, còn nợ số tiền 195.600.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Thùy D ngày 27/5/2020, bà D thống nhất khoản nợ nêu trên và đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả nợ cho DNTN VN. Riêng đối với ông T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có ý kiến về nội D vụ án, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ có liên quan và vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, yêu cầu của ông Phạm Minh V - Chủ Doanh Nghiệp Tư Nhân VN là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật thương mại nên chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Theo hợp đồng mua bán số 427/HĐMB/2018-2019 giữa DNTN VN ký kết với Đại lý Chánh T thì hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 26/12/2019 do bà D ký tên thay ông T thể hiện lãi suất 1%/tháng và tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/3/2020 do ông T ký tên thể hiện lãi suất 1,2%/tháng. Tại phiên tòa, ông H đại diện cho DNTN VN trình bày là sau khi giao hàng VN tính lãi 1%/tháng nhưng do ông T cố tình né tránh thời gian dài không thanh toán, tỏ thái độ không hợp tác nên DNTN VN yêu cầu tính lãi 1,2%/tháng; đồng thời mức lãi suất này ông T và bà D cũng đồng ý theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 26/12/2019 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/3/2020. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi của các đương sự nên Tòa án thu thập lãi suất bình quân của ba Ngân hàng thương mại tại địa phương, kết quả lãi suất bình quân của ba Ngân hàng thương mại tại địa phương cao hơn lãi suất của DNTN VN yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất 1,2%/tháng và tính lãi từ ngày thứ 100 sau khi giao hàng là có lợi cho ông T và bà D, phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại, Điều 11 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Ngày 21/5/2019 giao hàng, số tiền 91.300.000 đồng,
- + Tính lãi từ ngày 29/8/2019 đến 21/11/2019 đối với số tiền 20.000.000 đồng là: $20.000.000 \text{ đồng} \times 1,2\% \times 84 \text{ ngày} = 672.000 \text{ đồng}$.
- + Tính lãi từ ngày 29/8/2019 đến ngày 30/9/2020 đối với số tiền 71.300.000 đồng là: $71.300.000 \text{ đồng} \times 1,2\% \times 397 \text{ ngày} = 11.322.440 \text{ đồng}$.
- Ngày 26/5/2019 giao hàng, số tiền 73.700.000 đồng, tính lãi từ ngày 03/9/2019 đến ngày 30/9/2020 là: $73.700.000 \text{ đồng} \times 1,2\% \times 392 \text{ ngày} = 11.556.160 \text{ đồng}$.

- Ngày 02/6/2019 giao hàng, số tiền 50.600.000 đồng, tính lãi từ ngày 10/9/2019 đến ngày 30/9/2020 là: 50.600.000 đồng x 1,2% x 385 ngày = 7.792.400 đồng.

Tổng cộng tiền lãi tính đến ngày 30/9/2020 là 31.343.000 đồng nhưng DNTN VN chỉ yêu cầu ông T và bà D trả số tiền lãi 31.000.000 đồng là có lợi cho ông T và bà D nên chấp nhận.

[4] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh V - Chủ Doanh Nghiệp Tư Nhân VN nên ông T và bà D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 11 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh V - Chủ Doanh Nghiệp Tư Nhân VN.

Buộc ông Huỳnh Chánh T và bà Nguyễn Thị Thùy D có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Minh V - Chủ Doanh Nghiệp Tư Nhân VN số tiền vốn 195.600.000 đồng và tiền lãi 31.000.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 226.600.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm 01/10/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1,2%/tháng.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Huỳnh Chánh T và bà Nguyễn Thị Thùy D phải có trách nhiệm liên đới chịu 11.330.000 đồng đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ông Phạm Minh V - Chủ Doanh Nghiệp Tư Nhân VN được nhận tiền tạm ứng án phí là 5.241.000 đồng và 300.000 đồng theo các biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004603 ngày 06/11/2020 và số 0004752 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP C, tỉnh Đ .

Ông Phạm Minh V - Chủ Doanh Nghiệp Tư Nhân VN có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Huỳnh Chánh T và bà Nguyễn Thị Thùy D có quyền kháng cáo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực ngày 03/11/2020.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TP. C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**